TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:179/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN GÒ CÔNG TÂY TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thung;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Gò Công Tây.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Gò Công Tây*** tham gia phiên tòa*:* Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị Hồng T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phước Hoàng N, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, Sn 1956 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023, tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Hồng T trình bày: Chị và anh N sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2010 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh N, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào 16/11/2010.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh N đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước Diệu H1, sinh ngày 28/6/2008.

- Về tài sản chung: Gồm có tài sản trong ngày cưới gồm: 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây cHền 05 chỉ vàng 24K; 01 chiếc kiềng cổ 03 chỉ vàng 24K; 01 cặp lắc 04 chỉ vàng 24K. Tổng cộng tài sản chung vợ chồng là 13 chỉ vàng 24K, số vàng trên Chị và anh N gửi cho bà Lê Thị H cất giữ.

- Về tài sản riêng: 01 sợi dây cHền 05 chỉ vàng 24K, hiện anh N đang cất giữ.

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và anh N không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh N nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh N. Khi ly hôn: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yên cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, yêu cầu anh N phải trả lại 01 sợi dây cHền 05 chỉ vàng 24K, yêu cầu bà H phải trả cho Chị và anh N số vàng 13 chỉ vàng 24K để Chị yêu cầu chia ½ tài sản chung vợ chồng.

* Phần trình bày của bị đơn là anh N: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh N.

* Phần trình bày của phía bà H: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía bà H.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Gò Công Tây phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu chia tài sản và đòi tài sản của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện đối với anh N, Anh N có địa chỉ tại địa bàn huyện Gò Công Tây nên căn cứ vào khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T có đơn xin ly hôn với anh N và có yêu cầu đòi tài sản. Chị T và anh N có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 166 Bộ luật dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn và đòi tài sản".

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N và có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, đòi tài sản riêng và đòi tài sản của bà H.

Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh N là do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, không có tiếng nói chung và anh N không chăm lo gia đình, mặt dù Chị đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Ngoài ra, anh N từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm cũng không có phương pháp hàn gắn để đoàn tụ gia đình và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh N là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại cháu H1 đang sống cùng chị T và có nguyện vọng chung sống cùng chị T nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị T là chưa phù hợp, cần chấp nhận một phần. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát là có cơ sở, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với anh N và bà H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đượng sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Hồng T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Phước Hoàng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước Diệu H1, sinh ngày 28/6/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng là 1.000.000đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc giữa chị T và anh N có thỏa thuận khác.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về chia tài sản chung và đòi tài sản đối với bà H và anh N.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.228.000đồng (một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn) mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0026910 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Gò Công Tây, nên chị T được nhận lại số tiền là 928.000 đồng.

Buộc anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, thì chị T, anh N và bà H có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Gò Công Tây;
- Chi cục THADS H. Gò Công Tây;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thạnh N;
- Lưu.

Ngô Vũ Hoài Phương